

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2024/HS-ST

Ngày 01-02-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thanh Trang

Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thư Linh - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông **Lê Hoài P** - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 294/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Võ Văn T, sinh năm 1977 tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký thường trú và cư trú: 416/GC, **ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông **Võ Minh S**, sinh năm: 1947 và bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm: 1949; vợ: **Trần Thị Yến O**, sinh năm 1979; con: có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: có 01 tiền sự. Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 1407/QĐ-XPVPHC ngày 02/06/2023 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân huyện B**, tỉnh Bến Tre xử phạt số tiền 120.196.500 đồng về hành vi “khai thác cát, sỏi ngoài phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; hành lang bảo vệ luồng; phạm vi luồng hoặc ngoài phạm vi bảo vệ công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền” (BL 449), chưa nộp phạt; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Trần Thị Yến O, sinh năm: 1979; nơi cư trú: 416/GC, **ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre**; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1967; nơi cư trú: 104/GL, **ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre**; có mặt.

2. Ông **Nguyễn Hoàng Minh K**, sinh năm 1997; nơi cư trú: **ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre**; có mặt.

3. Ông **Trần Thanh H**, sinh năm 1982; nơi cư trú: 332/GC, **ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre**; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/06/2023, **Võ Văn T** bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính số tiền 120.196.500 đồng về hành vi “Khai thác cát, sỏi trong phạm vi bảo vệ công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền” với tổng khối lượng 4,95m³, **Võ Văn T** chưa thực hiện nghĩa vụ nộp phạt theo quy định.

Ngày 18/6/2023, **Võ Văn T** tiếp tục thuê **Nguyễn Văn V**, sinh năm: 1967 và **Nguyễn Hoàng Minh K**, sinh năm 1997 vận hành tàu sắt không biển kiểm soát thuộc quyền quản lý của **T** để đi hút cát sông trái phép, mỗi chuyến **T** trả cho **V** và **K** mỗi người 300.000 đồng. Khoảng 13 giờ cùng ngày khi **Nguyễn Văn V** và **Nguyễn Hoàng Minh K** đang vận hành phương tiện tàu sắt khai thác cát sông trái phép trên tuyến **sông H**, thuộc thủy phận **xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre** thì bị Phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường **Công an tỉnh B** kiểm tra phát hiện quả tang tạm giữ phương tiện cùng tang vật với khối lượng cát sông khai thác trái phép là 32,508m³.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (một) tàu sắt không biển kiểm soát, chiều dài lớn nhất: 20,01m, chiều rộng lớn nhất: 4,4m, chiều cao mạn: 1,65m, đã qua sử dụng;

- 01 (một) động cơ dùng để chạy phương tiện, nhãn hiệu HINO 6, số máy EH700-229771, không rõ công suất, đã qua sử dụng;

- 01 (một) động cơ dùng để hút cát, nhãn hiệu HINO 8, không rõ số hiệu, công suất, đã qua sử dụng;

- 01 (một) đầu hút dạng hộp chữ nhật (cạnh 0,7m x 0,7m) nối với 01 ống nhựa màu đen dài 20m, đường kính 0,2m; đầu còn lại của ống này nối với 01 ống co

bằng sắt dài 2,2m, đường kính 0,2m; co nối với 01 đầu bơm, đầu bơm tiếp tục nối 01 co sắt dài 0,5m, đường kính 0,2m, co nối 01 ống nhựa màu đen dài 0,1m, đường kính 0,2m; đầu bơm nối với động cơ hút cát bằng dây curoa.

- 01 (một) ống nhựa màu xanh dài 5m, đường kính 0,14m nối với một đầu bơm, đầu bơm tiếp tục nối với 01 ống nhựa màu đen dài 2m, đường kính 0,14m; đầu bơm nối với động cơ hút cát bằng dây curoa;

- 01 (một) ống nhựa màu xanh dài 4m đường kính 0,1m nối với 01 đầu bơm, đầu bơm tiếp tục nối với ống nhựa màu xanh dài 10m, đường kính 0,1m; đầu bơm nối với động cơ hút cát bằng dây curoa;

- 01 (một) tời để kéo neo;

- Cát sông, khối lượng 32,508m³ (trừ 20kg) (gửi tại Kho vật liệu của Công ty TNHH X, địa chỉ: Ấp B, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre);

- 01 (một) mẫu cát sông chứa trong túi nilon, ký hiệu KS-1862023 (mẫu còn lại sau giám định);

Kết luận giám định tư pháp ngày 21/9/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B xác định: Mẫu cát sông ký hiệu KS-1862023 thu giữ ngày 18/6/2023 được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B gửi giám định là khoáng sản.

Kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐG ngày 23/08/2023 của Hội đồng định giá tỉnh Bến Tre xác định: 32,508m³ cát sông khai thác trái phép vào ngày 18/06/2023 trị giá 2.145.528 đồng.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B có Công văn số 3559/STNMT-QLTN, B&KTTV ngày 11/8/2023 xác định: Vị trí tọa độ X: 01105596, Y: 00589257 (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105 độ 45 phút múi chiều 3 độ) thuộc thủy phận xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. Tại vị trí tọa độ này, Ủy ban nhân dân tỉnh không cấp phép khai thác cho tổ chức, cá nhân nào vào thời điểm ngày 18/06/2023. Trong hồ sơ cấp phép không có giấy cấp phép khai thác khoáng sản cho ông Võ Văn T.

* Tại Cáo trạng số 08/CT-VKSBT-P1 ngày 08/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố Võ Văn T về “Tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo điểm đ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa: Bị cáo Võ Văn T khai nhận hành vi phù hợp nội dung Cáo trạng.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Võ Văn T phạm “Tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Văn T từ 03 tháng đến 05 tháng tù. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu nộp ngân

sách nhà nước số cát đã thu giữ và mẫu cát sông, ký hiệu KS-1862023 sau giám định. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) tàu sắt không biển kiểm soát, chiều dài lớn nhất: 20,01m, chiều rộng lớn nhất: 4,4m, chiều cao mạn: 1,65m, đã qua sử dụng cùng các bộ phận kèm theo tàu sắt đã thu giữ;

Bị cáo không tranh luận;

Chị **O** yêu cầu trả lại tàu;

Bị cáo nói lời sau cùng: Yêu cầu xử nhẹ để sớm về gia đình lo cho con, yêu cầu được trả lại tàu để tạo thu nhập cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - **Công an tỉnh B**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố về tổng thể đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập, có cơ sở xác định: **Võ Văn T** không được cấp phép khai thác khoáng sản và đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác khoáng sản (cát sông), chưa nộp phạt và chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng vào ngày 18/6/2023, **Võ Văn T** thuê **Nguyễn Văn V** và **Nguyễn Hoàng Minh K** sử dụng phương tiện tàu sắt không biển kiểm soát đến khu vực tuyến **sông H** thuộc thủy phận **xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre** có tọa độ X:01105596; Y:00589257 (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105⁰45' múi chiều 3 độ) thuộc tuyến **sông H, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre** để hút cát từ lòng sông lên khoang chứa của tàu thì bị **Công an huyện B, tỉnh Bến Tre** phát hiện bắt quả tang vào lúc 23 giờ, với khối lượng cát sông đã khai thác được là 32,508 m³, trị giá 2.145.528 đồng.

Về nhân thân: **Võ Văn T** đã bị xử phạt hành chính vào ngày 02/06/2023 chưa chấp hành quyết định và chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính lại tiếp tục vi phạm cùng hành vi. Nơi **Nguyễn Văn V** và **Nguyễn Hoàng Minh K** khai thác cát bị bắt quả tang **Ủy ban nhân dân tỉnh B** chưa cấp phép khai thác cát cho cá nhân, tổ chức nào.

Với ý thức, hành vi, nhân thân và lượng cát mà **Võ Văn T** thuê **V** và **K** khai thác, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre đã truy tố **Võ Văn T** về “Tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo điểm đ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã vi phạm các quy định của Nhà nước về khai thác tài nguyên trong đất liền, nội thủy của Việt Nam mà không có giấy phép, gây ảnh hưởng xấu đến tài nguyên, môi trường sinh thái và trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước. Hành vi của bị cáo cần áp dụng hình phạt tù nhằm cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có con nhỏ và là lao động chính trong gia đình (theo quy định tại điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự). Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng hình phạt tù dưới mức thấp nhất mà điều luật quy định cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) tàu không biển số, đã qua sử dụng cùng các bộ phận kèm theo tàu sắt đã thu giữ. Quá trình điều tra bị cáo cho rằng thuê tàu lại của **Trần Thanh H**, tại phiên tòa bị cáo cho rằng tàu là của bị cáo, phù hợp với lời trình bày của anh **H**, chiếc tàu vi phạm vào ngày 18/6/2023 là của bị cáo **T**, là phương tiện phạm tội. Chị **Yến O** cho rằng tàu thuộc sở hữu của vợ chồng chị (**T – O**), việc bị cáo **Tường vi p** vào ngày 18/6/2023 chị không biết, đến khi bị bắt mới biết. Xét tàu và các bộ phận gắn với tàu là sở hữu của bị cáo **T** và chị **Yến O** nên tịch thu $\frac{1}{2}$ giá trị tàu cùng bộ phận gắn theo tàu để nộp ngân sách nhà nước, trả lại cho chị **Yến O** $\frac{1}{2}$ giá trị còn lại khi thi hành án.

Số cát thu giữ là khoáng sản do phạm tội mà có nên tịch thu để nộp ngân sách Nhà nước.

[6] Những vấn đề khác: Đối với **Nguyễn Hoàng Minh K** và **Nguyễn Văn V**, hành vi không cấu thành tội phạm, **Công an tỉnh B** đã chuyển xử lý hành chính.

[7] Về án phí: Bị cáo **Võ Văn T** phải chịu án phí theo luật định.

[8] Quan điểm của Kiểm sát viên về xử lý vật chứng không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo **Võ Văn T** phạm “Tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Võ Văn T** 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù;

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

* Tịch thu để nộp ngân sách nhà nước $\frac{1}{2}$ (Một phần hai) giá trị chiếc tàu cùng bộ phận gắn theo tàu khi thi hành án, có đặc điểm như sau:

- 01 (một) tàu sắt không biển kiểm soát, chiều dài lớn nhất: 20,01m, chiều rộng lớn nhất: 4,4m, chiều cao mạn: 1,65m, đã qua sử dụng;

- 01 (một) động cơ dùng để chạy phương tiện, nhãn hiệu HINO 6, số máy EH700-229771, không rõ công suất, đã qua sử dụng;

- 01 (một) động cơ dùng để hút cát, nhãn hiệu HINO 8, không rõ số hiệu, công suất, đã qua sử dụng;

- 01 (một) đầu hút dạng hộp chữ nhật (cạnh 0,7m x 0,7m) nối với 01 ống nhựa màu đen dài 20m, đường kính 0,2m; đầu còn lại của ống này nối với 01 ống co bằng sắt dài 2,2m, đường kính 0,2m; co nối với 01 đầu bơm, đầu bơm tiếp tục nối 01 co sắt dài 0,5m, đường kính 0,2m, co nối 01 ống nhựa màu đen dài 0,1m, đường kính 0,2m; đầu bơm nối với động cơ hút cát bằng dây curoa.

- 01 (một) ống nhựa màu xanh dài 5m, đường kính 0,14m nối với một đầu bơm, đầu bơm tiếp tục nối với 01 ống nhựa màu đen dài 2m, đường kính 0,14m; đầu bơm nối với động cơ hút cát bằng dây curoa;

- 01 (một) ống nhựa màu xanh dài 4m đường kính 0,1m nối với 01 đầu bơm, đầu bơm tiếp tục nối với ống nhựa màu xanh dài 10m, đường kính 0,1m; đầu bơm nối với động cơ hút cát bằng dây curoa;

- 01 (một) tời để kéo neo;

* Trả lại cho chị **Trần Thị Yến O** $\frac{1}{2}$ (Một phần hai) giá trị còn lại của chiếc tàu cùng bộ phận gắn theo tàu (nêu trên) khi thi hành án:

* Tịch thu để nộp ngân sách nhà nước:

- Cát sông, khối lượng 32,508m³ (trừ 20kg) (gửi tại Kho vật liệu của Công ty TNHH Xây dựng Thành Vươn, địa chỉ: Ấp 2, xã Sơn Phú, huyện Giồng T, tỉnh Bến Tre);

- 01 (một) mẫu cát sông chứa trong túi nilon, ký hiệu KS-1862023 (mẫu còn lại sau giám định);

Tình trạng vật chứng: Các vật chứng nêu trên không xác định được chất lượng còn lại.

(Vật trên theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/01/2024 hiện Cục thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre đang quản lý).

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Võ Văn T phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo Bản án. Để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân cấp cao tại TP.HCM (1b);
- Vụ GDKT I – Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKS nhân dân tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã An Đức, h. Ba Tri (1b);
- Bị cáo (1b);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (1b);
- Thi hành án hình sự - TAND tỉnh (4b);
- Tòa Hình sự, Phòng KTNV&THA, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (3b);
- Lưu Hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh